

Số: 28 /KH-UBND

Nghi Xuân, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO NGHỀ - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM 2019**

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt và ban hành Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Nghi Xuân đến năm 2020”; Chỉ thị số 04-CT/HU ngày 07/12/2015 của Ban thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn huyện; Nghị quyết của HĐND huyện về phát triển KT-XH, QP-AN năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch đào tạo nghề - Giải quyết việc làm năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo nhu cầu học nghề của người lao động, gắn đào tạo nghề với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của huyện và mỗi địa phương; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề, kèm nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình, phấn đấu để mọi người dân đến tuổi lao động đều được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghề;

- Giải quyết việc làm với phương châm tạo việc làm cho người lao động thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mùa vụ, cây trồng, vật nuôi. Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm thông qua các chương trình như: sàn giao dịch, hội nghị tư vấn về XKLD việc làm, tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh;

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở cần tập trung mọi nguồn lực, điều kiện cho phép để thực hiện hiệu quả chương trình dạy nghề, giải quyết việc làm của mỗi địa phương nói riêng và của huyện nói chung;

- Các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn phải điều tra, rà soát nắm bắt nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động để giải quyết việc làm, nhu cầu cung ứng lao động của các doanh nghiệp, ngành nghề cần đào tạo... để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm sát với thực tiễn;

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác đào tạo nghề - giải quyết việc làm. Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và tỉnh, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng đô thị văn minh, xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị, phát triển bền vững. Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp về giải quyết việc làm, cho lao động nông thôn và học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường, Bộ đội xuất ngũ trở về địa phương. Thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thị trường lao động nhằm kết nối cung - cầu lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa người học, người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo nhằm đảm bảo người lao động có việc làm ổn định.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

- Công tác đào tạo nghề năm 2019: Đào tạo nghề (dự kiến) từ 750 đến 800 lao động, đào tạo trình độ sơ cấp nghề và nghề ngắn hạn dưới 3 tháng. Chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề & Giáo dục thường xuyên; Phối hợp và các cơ sở dạy nghề trong tỉnh tổ chức đào tạo 10 lớp nghề với số lượng 350 lao động của các xã, thị trấn trong toàn huyện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Chính phủ; trên cơ sở nhu cầu đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người dân bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển theo quyết định số 12/QĐ-TTg của Chính phủ. Kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, UBND tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề đến hết năm 2019. Dự kiến trong năm 2019 mở 12 lớp nghề số lượng 420 học viên; tổng kinh phí 2.123.065.000 đồng (*có biểu chi tiết 02 kèm theo*). Phân đầu trên 90% lao động sau khi học nghề có việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trên 40% của toàn huyện.

- Công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động

+ Giải quyết việc làm cho trên 4.000 người lao động trong đó: Xuất khẩu lao động 1200 người. Lao động trong huyện, trong tỉnh 1879 người; ngoại tỉnh 921 người; Bình quân trên 99% lao động có việc làm trong tổng số lao động trong độ tuổi. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng: Công nghiệp xây dựng 40%; Thương mại dịch vụ 38%; Nông - Lâm - Ngư nghiệp 22%;

+ 100% doanh nghiệp được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Pháp luật lao động tăng tỷ lệ lao động trong các doanh nghiệp được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện ký kết và đăng ký thỏa ước lao động, nội quy lao động.

III. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH

1. Khảo sát nhu cầu học nghề lao động nông thôn năm 2019

Tổng số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề năm 2019: Khoảng 800 lao động, trong đó.

- Đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Chính phủ, mở 10 lớp nghề số lượng 350 học viên.

2. Kế hoạch đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn năm 2019

- Chú trọng đào tạo nghề Phi nông nghiệp: Nghiệp vụ du lịch, Chế biến món ăn & Dịch vụ nhà hàng, chế biến thủy hải sản, kỹ thuật hàn, May công nghiệp, Điện tử, điện lạnh, Kỹ thuật xây dựng

- Đào tạo Nghề nông nghiệp, ngư nghiệp: Chăn nuôi gia súc, chăn nuôi gia cầm, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, trồng hoa, sửa chữa máy nông nghiệp, ngư nghiệp, chăm sóc cây cảnh gắn với chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới thực hiện đề án các sản phẩm cây, con chủ lực theo các vùng, miền nhằm nâng cao hiệu quả cho cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế.

Trong đó:

Tổng số lao động nông thôn (dự kiến) đào tạo năm 2019 là 350 lao động;

+ Nghề lĩnh vực phi nông nghiệp 04 lớp với số lượng 140 lao động;

+ Nghề lĩnh vực nông nghiệp 06 lớp với số lượng 210 lao động;

- Kinh phí thực hiện 1.135.410.000 đồng; *(có biểu chi tiết 01 kèm theo)*

- Nội dung, chương trình thời gian đào tạo. Do các cơ sở dạy nghề trực tiếp xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người lao động về đào tạo nghề

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề của năm 2019. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, các cơ quan quản lý dạy nghề thảo luận, trao đổi và bàn bạc đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND các xã, thị trấn, các ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ sở dạy nghề tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực dạy nghề, đặc biệt là chính sách xã hội hóa dạy nghề để các cấp, ngành, các đơn vị công lập, ngoài công lập và nhân dân có nhận thức đầy đủ, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề.

Các cơ sở dạy nghề tăng cường công tác tư vấn về đào tạo nghề và việc làm cho người lao động giúp người lao động có quan niệm đúng về học nghề, giải quyết việc làm theo Bộ Luật Lao động; nhận thức rõ vị trí, vai trò vấn đề việc làm và đào tạo nghề tạo nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong việc tăng cường phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

2. Đối với các cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp sử dụng lao động

Các cơ sở dạy nghề, các doanh nghiệp chủ động phối hợp tuyên truyền, tư vấn tuyển chọn về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động để thu hút người lao động tham gia học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại hóa, linh hoạt nhằm nâng cao kỹ thuật, kỹ năng thực hành và tự tạo việc làm, thích ứng với yêu cầu chuyển đổi công nghệ và sản xuất; tổ chức đào tạo nghề thuận lợi cho người học. Các cơ sở dạy nghề xây

dụng và hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, hoàn thiện cơ bản giáo trình, các môn học với điều kiện thực tế và nhu cầu của thị trường lao động, trong khả năng tiếp thu kiến thức của người học.

3. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động gắn với đào tạo nghề và sử dụng lao động

- Chỉ đạo các cơ sở dạy nghề xây dựng hệ thống thông tin trường lao động của cơ sở dạy nghề phải đảm bảo cung cấp cho người học biết những thông tin về năng lực đào tạo của cơ sở, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp.

- Cơ sở dạy nghề xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp, từng bước hướng tới đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ đào tạo và sử dụng nhằm tận dụng cơ sở vật, máy móc trang thiết bị của doanh nghiệp đồng thời đáp ứng đúng và đủ nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

- Tổ chức tốt các cuộc điều tra thông tin thị trường như: Điều tra nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp chuẩn bị đầu tư trên địa bàn huyện; nhu cầu học nghề của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, nghề lao động nông thôn....

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội

- Cơ quan thường trực, giúp UBND huyện thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện; phối hợp với phòng Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí trình UBND huyện phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đăng ký xây dựng kế hoạch, danh mục đào tạo nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Ký hợp đồng đào tạo, thực hiện hỗ trợ cho từng nghề theo quy định, mức quy định hỗ trợ; Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn; đổi mới các nội dung đào tạo theo quy định của Nhà nước; định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở Lao động - TB&XH theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với phòng Lao động - Thương binh & Xã hội huyện xác định ngành nghề đào tạo lao động nông thôn phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông nghiệp nông thôn theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện; Xây dựng danh mục nghề, chương trình dạy các nghề chăn nuôi, trồng trọt trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng; xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu về dạy nghề do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện theo Quyết định 1956/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính Phủ các nguồn lực trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm văn hóa - Truyền thông huyện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, các chính sách hấp thu nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện kiểm tra giám sát tình hình thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ, đề xuất bố trí ngân sách thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chuyển đổi nghề năm 2019 và kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo; Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích; Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & giáo dục thường xuyên huyện, các cơ sở đào tạo tham gia dạy nghề trên địa bàn

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho người học. Tiếp tục đổi mới chương trình, giáo trình, tăng cường công tác quản lý hoạt động dạy nghề.

- Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, môn học chi tiết, giáo trình các môn học phù hợp với điều kiện thực tế ở cơ sở, đối tượng có nhu cầu học và chuyển đổi nghề nghiệp.

- Tiếp tục tư vấn và tổ chức đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở, doanh nghiệp và nhu cầu học nghề của người lao động trong lĩnh vực sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp, kinh doanh dịch vụ du lịch và công nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm: Thống kê số lượng lao động có nhu cầu học nghề theo chuỗi sản phẩm chủ lực của từng địa phương, (Từng loại nghề cụ thể), tổ chức thực hiện tuyên truyền, thông báo chủ trương, chính sách, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 để người lao động tiếp tục đăng ký tham gia đào tạo, học nghề và tuyển dụng lao động trên địa bàn huyện.

Trên đây là kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019; yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn, các thành viên Ban chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./. *Tong*

Nơi nhận

- Sở Lao động TB&XH (để báo cáo);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: LĐ-TBXH, NN&PTNT. TC-KH;
- Trung tâm GDNN& GDTX huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH;
- Gửi: Văn bản Giấy và điện tử. *2019*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

HỒ CHỦ TỊCH



Bùi Việt Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU 01

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019

(Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05/03/2019 của UBND huyện thực hiện Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm năm 2019)

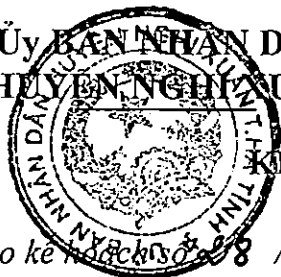
TT	Nhóm nghề/Lớp nghề	Địa bàn tuyển sinh	Địa điểm đặt lớp	Số lượng (người)	Trong đó						Thời gian (tháng)	Định mức hỗ trợ/học viên	Dự trù kinh phí thực hiện			Thời gian thực hiện dự kiến
					ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT4	ĐT5	ĐT6			Hỗ trợ đào tạo	Hỗ trợ tiền ăn	Tổng kinh phí	
	Quyết định số: 1956/QĐ-TTg															
I	Nghề nông nghiệp			210	0	0	62	44	104			485.610.000	190.080.000	675.690.000		
1	Kỹ thuật trồng trọt	Cổ Đạm	Cổ Đạm	35			9	6	20	2	2.000.000	72.805.000	19.800.000	92.605.000	Quý II, III,IV	
2	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	Xuân Viên	Xuân Viên	35			12	8	15	3	2.000.000	86.000.000	39.600.000	125.600.000	Quý II, III,IV	
3	Chăn nuôi gà	Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	35			9	6	20	2	2.000.000	72.805.000	19.800.000	92.605.000	Quý II, III,IV	
4	Chăn nuôi trâu bò	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			10	8	17		2.000.000	84.000.000	35.640.000	119.640.000	Quý II, III,IV	
5	Sửa chữa máy nông, ngư nghiệp	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			12	8	15	3	2.000.000	86.000.000	39.600.000	125.600.000	Quý II, III,IV	
6	Nghề khác	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			10	8	17	3	2.000.000	84.000.000	35.640.000	119.640.000	Quý II, III,IV	
II	Nghề phi nông nghiệp			140	0	0	42	22	76			333.000.000	126.720.000	459.720.000		
1	Chế biến món ăn và DVNH	Xuân Mỹ, Viên, Giang	Xuân Mỹ, Viên, Giang	35			12	8	15	3	2.000.000	86.000.000	39.600.000	125.600.000	Quý II, III,IV	
2	Kỹ thuật hàn	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			9	4	22	3	2.000.000	81.000.000	25.740.000	106.740.000	Quý II, III,IV	
3	Máy Công Nghiệp	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			11	5	19	3	2.000.000	83.500.000	31.680.000	115.180.000	Quý II, III,IV	
4	Nghề khác	Toàn huyện	TT DN-HN&GDTX	35			10	5	20	3	2.000.000	82.500.000	29.700.000	112.200.000	Quý II, III,IV	
	Tổng cộng: I + II			350								818.610.000	316.800.000	1.135.410.000		

Kinh phí (dự kiến) thực hiện theo NQ 56/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Tĩnh:

- Nghề Nông nghiệp: 06 lớp, dự kiến kinh phí: 675.690.000 đồng
- Nghề Phi nông nghiệp: 04 lớp, dự kiến kinh phí: 459.720.000 đồng

Tổng cộng: 675.690.000 + 459.720.000 = 1.135.410.000

(Bảng chữ: (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm mười ngàn đồng))



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN CHUYÊN ĐỔI
NGHỀ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 12/QĐ-TTg NĂM 2019

(Kèm theo kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 05/3/2019 của UBND huyện thực hiện Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm năm 2019)

BIỂU 02

TT	Nhóm nghề/Lớp nghề	Địa bàn tuyển sinh	Địa điểm đặt lớp	Số lượng (người)	Đối tượng	Thời gian (tháng)	Ngày học	Dự trù kinh phí thực hiện				Tổng kinh phí	Dự kiến thực hiện
								Hỗ trợ đào tạo	Hỗ trợ tiền ăn	Hỗ trợ đi lại	Định mức kinh phí		
	Quyết định số 12/QĐ-TTg												
1	Chăn nuôi gia súc	Các xã bãi ngang	Các xã bãi ngang	105	QĐ 12	3	53	3.177	1.590		333.585	500.535	Quý II, III, IV
2	Sửa chữa máy ngư nghiệp	Các xã bãi ngang	Các xã bãi ngang	105	QĐ 12	3	53	3.620	1.590		380.100	547.050	Quý II, III, IV
3	Chế biến MA & DVNH	Các xã bãi ngang	Các xã bãi ngang	70	QĐ 12	3	53	3.354	1.590		234.780	346.080	Quý II, III, IV
4	Nghề khác (Điện lạnh, điện tử, May, máy xúc, kỹ thuật xây dựng)	Các xã bãi ngang	Các xã bãi ngang	140	QĐ 12	3	53	3.620	1.590		506.800	729.400	Quý II, III, IV
	Tổng cộng:			420				13.771	6.360	-	1.455.265	2.123.065	

(Bảng chữ: (Hai tỷ một trăm hai ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng))